

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH LƯU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2022/HSST

Ngày 23/12/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nghệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Hữu Thoả- Giáo viên hưu trí

Bà Phan Thị Đoá - Hưu trí

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng, thư ký TAND huyện Quỳnh Lưu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 165/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

**Lê Văn T;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 13/9/2004 tại huyện B, tỉnh H; Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lê Văn T2, sinh năm 1981 và con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1981; Anh chị em ruột: Gia đình có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2022 đến nay. Có mặt.

**Trần Thị K;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/01/2006 tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện L, tỉnh Nghệ An; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Trần Văn N, sinh năm 1975 và con bà: Nguyễn Thị Tú O, sinh năm 1975; Anh chị em ruột: Gia đình có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 05/10/2022 đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Trần Văn N, sinh năm 1973 (bố đẻ). Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Bà Nguyễn Thị Tú O, sinh năm 1975 (mẹ đẻ). Có mặt

Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Nghệ An.

Người bào chữa: Bà Vũ Thị Hồng Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Nghệ An- Chi nhánh số 1. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị O2, sinh năm 2001. Có mặt

Nơi cư trú: Xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Chị Lê Mỹ T, sinh năm 2002. Có mặt

Nơi cư trú: Khối D, thị trấn C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Chu Minh Đ, sinh năm 1986. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm D, xã Quỳnh Q, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: Khối D, thị trấn C, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1981. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện L, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Lê Văn T2, sinh năm 1981. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện G, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn C, xã G, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/10/2022, tại quán “Cha cha cha” của anh Nguyễn Văn C, bị cáo Lê Văn T và Trần Thị K đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Nguyễn Thị O2 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu trắng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và của chị Lê Mỹ T 01 (một) chiếc ĐTĐD nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn T và Trần Thị K trộm cắp trong ngày 01/10/2022 là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ngày 04/10/2022 Trần Thị K và ngày 05/10/2022 Lê Văn T đến Công an xã L đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 499/KLĐGTS ngày 12/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND huyện Quỳnh Lưu kết luận “ 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu trắng, có số imei1: 353832104236954, imei2: 353832104378608 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, có số imei1: 353992104554655, imei2: 353992104623351 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Tổng cộng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)”.

Bản cáo trạng số 180/CT-VKS-QL ngày 24/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An truy tố Lê Văn T, Trần Thị K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Văn T từ 08 đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thị K từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Văn T không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo Trần Thị K là người dưới 18 tuổi. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen thu giữ của Lê Văn T. Một phần là tài sản của T, còn 1.700.000đ là số tiền do bán tài sản trộm cắp mà có. Vì vậy, đề nghị trả lại điện thoại cho Lê Văn T nhưng cũng cần truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen xám mang biển kiểm soát 34P9-1648 là tài sản của ông Lê Văn T2. Ông Lê Văn T2 không biết bị cáo T sử dụng xe để trộm cắp tài sản, nên trả lại cho chủ sở hữu.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ

Quốc Hội; Buộc các bị cáo: Lê Văn T, Trần Thị K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị K trình bày: Nhất trí về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Trần Thị Khánh Linh. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ, việc nhận thức pháp luật còn hạn chế. Nên đề nghị HĐXX xem xét để áp dụng các điều luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 BLHS, xử phạt: bị cáo Trần Thị K 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T, bị cáo Trần Thị K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời nói sau cùng của hai bị cáo: thấy hành vi của mình là sai, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp về thời gian, địa điểm và đặc điểm tài sản báo bị mất của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Sự phù hợp, thống nhất của các chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ ngày 01/10/2022 Lê Văn T, Trần Thị K đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị O2 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu trắng và của chị Lê Mỹ T 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng. Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn T và Trần Thị K chiếm đoạt trong ngày 01/10/2022 là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Hành vi của hai bị cáo: T, L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Quá trình phạm tội bị cáo T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện; Bị cáo L phạm tội

khi chưa đủ 18 tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn dân cư.

[4] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, đồng phạm mang tính chất giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo K là người thực hành, vị trí vai trò của hai bị cáo là như nhau. Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú, quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên giảm một phần hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ, đủ nghiêm minh và thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, nhưng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo Trần Thị K phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Bị cáo K có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, là người dưới 18 tuổi cần đảm bảo cho việc phát triển tâm lý đối với người chưa thành niên phạm tội. Nên không cách ly bị cáo K ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát cũng đủ nghiêm minh và cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo T khó khăn về kinh tế, bị cáo K là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu hai bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự nên miễn xét.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số máy MNQR2LL/A, số seri FCJT81MLHG04 không gắn thẻ sim, là tài sản bị cáo T có được khi đổi chiếc điện thoại Iphone 6S và phụ thêm 1.700.000đ (số tiền bán điện thoại trộm cắp mà có). Hai chiếc điện thoại các bị cáo trộm cắp đã trả lại cho người bị hại. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu hai bị cáo bồi thường gì thêm. Nên trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus.

01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen xám mang biển kiểm soát 34P9-1648 là tài sản của ông Lê Văn T2. Ông Lê Văn T2 không biết là bị cáo T sử dụng xe để trộm cắp tài sản, nên trả lại cho ông Lê Văn T2.

[7] Đối với Nguyễn Văn M, Chu Minh Đ là những người đã mua những chiếc điện thoại do T và K trộm cắp mà có. Tuy nhiên M, Đ quá trình điều tra xác định M, Đ không hứa hẹn trước và cũng không biết đó là những tài sản do phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với ông Lê Văn T2 - người cho Lê Văn T mượn xe mô tô, tuy nhiên ông T2 không biết việc T mượn xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không phạm tội.

[6] Bị cáo Lê Văn T, Trần Thị K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 08 (Tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/10/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị K 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/12/2022) về tội "Trộm cắp tài sản".

Giao bị cáo Trần Thị K cho UBND xã G, huyện L, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 (một) chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, số máy MNQR2LL/A, số sêri FCJT81MLHG04 không gắn thẻ sim.

Trả lại cho ông Lê Văn T2 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen xám mang biển kiểm soát 34P9-1648 .

(Đặc điểm vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu hồi 08 giờ, ngày 25/11/2022).

Án Phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc các bị cáo Lê Văn T, Trần Thị K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan THA hình sự h.Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Q/Lưu;
- UBND xã G;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nghệ**